

决议

有关向所有国家、地区公民发放电子签证；国际口岸允许外国人通过电子签证出入境

政府

根据2015年6月19日政府组织法；2019年11月22日修改、补充政府组织法和地方政府组织法若干条款的法典；

根据2014年6月16日外国人在越南入境、出境、过境、居留法；2019年11月25日修改、补充《外国人在越南入境、出境、过境、居留法若干条款的法典；

根据2023年6月24日修改、补充越南公民出境入境法和外国人在越南入境、出境、过境、居留法若干条款的法典；

根据公安部部长2023年7月12日第403/TTr-BCA号文件、2023年7月31日第2557/BCA-QLXNC号文件和2023年8月8日第2767/BCA-QLXNC号文件中的提议；

以政府成员的投票为基础。

决定：

第一条：向所有国家和地区的公民发放电子签证。

第二条：允许外国人持电子签证出入境的国际口岸名单，包括：

一、航空口岸清单

1. 内排机场口岸。
2. 新山一机场口岸。
3. 金兰机场口岸。
4. 岷港机场口岸。
5. 吉碑机场口岸。
6. 芹苴机场口岸。
7. 富国机场口岸。
8. 富排机场口岸。
9. 云屯机场口岸。
10. 寿春机场口岸。

11. 同海机场口岸。
12. 富吉机场口岸。
13. 连姜机场口岸。

二、陆地口岸清单

1. 奠边省西庄国际口岸。
2. 广宁省芒街国际口岸。
3. 谅山省友宜国际口岸。
4. 老街省老街国际口岸。
5. 清化省那猫国际口岸。
6. 乂安省南撼国际口岸。
7. 河静省吊桥国际口岸。
8. 广平省查罗国际口岸。
9. 广治省拉莱国际口岸。
10. 广治省劳保国际口岸。
11. 昆嵩省布依国际口岸。
12. 西宁市木排国际口岸。
13. 西宁市萨马特国际口岸。
14. 安江省静边国际口岸。
15. 安江省永昌国际公路和河流口岸。
16. 坚江省河仙国际口岸。

三、海上口岸清单

1. 广宁省鸿基港口岸。
2. 广宁省锦普港边境口岸。
3. 海防市海防港口岸。
4. 清化省宜山港口岸。
5. 河静省永昂港口岸。
6. 承天顺化省真云港口岸。
7. 岘港市岘港口岸。
8. 庆和省芽庄口岸。

9. 平定省归仁港口岸。
10. 广义省容橘港口岸。
11. 巴地头顿省头顿港口岸，巴地-头顿省。
12. 胡志明市港口岸。
13. 坚江省阳东口岸。

第三条：交政府总理指导职能机构在决议执行过程中采取确保国家主权、安全和社会秩序安全的必要措施。

第四条：本决议自2023年8月15日起生效，取代2020年5月25日第79/NQ-CP号决议和2022年4月27日第60/NQ-CP号决议。

第五条：部级机关、政府下属机关的部长、首长、中央直辖省、市人委会主席负责执行本决议。

收件处：

- 党中央秘书委会；
- 政府总理、各副总理；
- 部级部门、机关、政府下属机关；
- 中央直辖省、市人民议会、人委会；
- 中央和党各部门的办公室；
- 总秘书办公室；
- 国家主席办公室；
- 民族议会和国会各委会；
- 国会办公室；
- 最高人民法院；
- 最高人民检察院；
- 国家审计；
- 国家财政监督委员会；
- 社会政策银行；
- 越南发展银行；
- 越南祖国阵线中央委员会；
- 各团体的中央机关；
- 政府办公室：部长兼主任、各副主任、总理助理、副总理、电子网站总经理、各务、局、直属单位、公报；
- 留档：文管、国际关系（2b）。

代表政府
代总理签字
副总理
(已签名盖章)

陈留光

~ 恒利翻译，仅供参考 ~

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 127/NQ-CP

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**VỀ VIỆC ÁP DỤNG CẤP THỊ THỰC ĐIỆN TỬ CHO CÔNG DÂN CÁC NƯỚC, VÙNG LÃNH THỔ;
CÁC CỬA KHẨU QUỐC TẾ CHO PHÉP NGƯỜI NƯỚC NGOÀI NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH
BẰNG THỊ THỰC ĐIỆN TỬ**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 24 tháng 6 năm 2023;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an tại các văn bản số 403/TTr-BCA ngày 12 tháng 7 năm 2023, số 2557/BCA-QLXNC ngày 31 tháng 7 năm 2023 và số 2767/BCA-QLXNC ngày 08 tháng 8 năm 2023;

Trên cơ sở biểu quyết của Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thực hiện cấp thị thực điện tử cho công dân tất cả các nước, vùng lãnh thổ.

Điều 2. Danh sách các cửa khẩu quốc tế cho phép người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh bằng thị thực điện tử, bao gồm:

I. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

1. Cửa khẩu Cảng hàng không Nội Bài.
2. Cửa khẩu Cảng hàng không Tân Sơn Nhất.
3. Cửa khẩu Cảng hàng không Cam Ranh.
4. Cửa khẩu Cảng hàng không Đà Nẵng.
5. Cửa khẩu Cảng hàng không Cát Bi.
6. Cửa khẩu Cảng hàng không Cần Thơ.
7. Cửa khẩu Cảng hàng không Phú Quốc.
8. Cửa khẩu Cảng hàng không Phú Bài.
9. Cửa khẩu Cảng hàng không Vân Đồn.
10. Cửa khẩu Cảng hàng không Thọ Xuân.
11. Cửa khẩu Cảng hàng không Đồng Hới.
12. Cửa khẩu Cảng hàng không Phù Cát.
13. Cửa khẩu Cảng hàng không Liên Khương.

II. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG BỘ

1. Cửa khẩu quốc tế Tây Trang, tỉnh Điện Biên.
2. Cửa khẩu quốc tế Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh.
3. Cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, tỉnh Lạng Sơn.
4. Cửa khẩu quốc tế Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
5. Cửa khẩu quốc tế Na Mèo, tỉnh Thanh Hóa.
6. Cửa khẩu quốc tế Nậm Cắn, tỉnh Nghệ An.
7. Cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, tỉnh Hà Tĩnh.
8. Cửa khẩu quốc tế Cha Lo, tỉnh Quảng Bình.
9. Cửa khẩu quốc tế La Lay, tỉnh Quảng Trị.
10. Cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, tỉnh Quảng Trị.
11. Cửa khẩu quốc tế Bờ Y, tỉnh Kon Tum.
12. Cửa khẩu quốc tế Mộc Bài, tỉnh Tây Ninh.
13. Cửa khẩu quốc tế Xa Mát, tỉnh Tây Ninh.
14. Cửa khẩu quốc tế Tịnh Biên, tỉnh An Giang.
15. Cửa khẩu quốc tế đường bộ và đường sông Vĩnh Xương, tỉnh An Giang.
16. Cửa khẩu quốc tế Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

III. DANH SÁCH CỬA KHẨU ĐƯỜNG BIỂN

1. Cửa khẩu Cảng Hòn Gai, tỉnh Quảng Ninh.
2. Cửa khẩu Cảng Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
3. Cửa khẩu Cảng Hải Phòng, thành phố Hải Phòng.
4. Cửa khẩu Cảng Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
5. Cửa khẩu Cảng Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh.
6. Cửa khẩu Cảng Chân Mây, tỉnh Thừa Thiên Huế.
7. Cửa khẩu Cảng Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng.
8. Cửa khẩu Cảng Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
9. Cửa khẩu Cảng Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
10. Cửa khẩu Cảng Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.
11. Cửa khẩu Cảng Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
12. Cửa khẩu Cảng Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.
13. Cửa khẩu Cảng Dương Đông, tỉnh Kiên Giang.

Điều 3. Giao Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chức năng thực hiện các biện pháp cần thiết bảo đảm chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội trong quá trình triển khai Nghị quyết.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2023, thay thế Nghị quyết số 79/NQ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2020 và Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2022.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, PTTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (2b)-HM

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Trần Lưu Quang